

Số: 135 /TTr-UBND

Châu Thành A, ngày 21 tháng 8 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 trên
địa bàn huyện Châu Thành A**

Kính gửi: Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành A.

Căn cứ Công văn số 1088/UBND-NCTH ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế làm việc số 11-QC/HU ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Châu Thành A khóa XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Nay, UBND huyện kính trình Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành A xem xét, cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành A, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến là 58.300 triệu đồng.

(Đính kèm Biểu mẫu số 03)

2. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến là 552.150 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn cân đối ngân sách là: 362.750 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất là: 32.200 triệu đồng.
- Nguồn xổ số kiến thiết là: 157.200 triệu đồng.

(Đính kèm Biểu mẫu số 04)

3. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 đề xuất do Tỉnh quản lý: Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 đề xuất do tỉnh quản lý là: 680.000 triệu đồng.

(Đính kèm Biểu mẫu số 06)

Kính trình Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến./- *he*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.NCTH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hoàng Nhân



CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Đính kèm theo Tờ trình số 135 /TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Châu Thành A)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến năm 2024		Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030								Ghi chú	
										Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030					
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ						58.300	-	-	-	58.300	58.300	-	-	58.300	58.300	-	-	
I	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG																		
II	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI						58.300	-	-	-	58.300	58.300	-	-	58.300	58.300	-	-	
1	Chuẩn bị đầu tư																		
2	Thực hiện dự án						58.300	-	-	-	58.300	58.300	-	-	58.300	58.300	-	-	
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																		
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030						58.300	-	-	-	58.300	58.300	-	-	58.300	58.300	-	-	
*	NGÀNH/LĨNH VỰC: GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP						3.000	-	-	-	3.000	3.000	-	-	3.000	3.000	-	-	
1	Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc	Xã Tân Hòa			2026-2028		2.000				2.000	2.000			2.000	2.000			01 phòng học và các hạng mục phụ trợ
2	Trường Tiểu học Trường Long A1	Xã Trường Long A			2026-2028		1.000				1.000	1.000			1.000	1.000			NCSC 10 phòng học hiện hữu
*	NGÀNH/LĨNH VỰC: VĂN HÓA, THÔNG TIN						10.800	-	-	-	10.800	10.800	-	-	10.800	10.800	-	-	
1	Nhà văn hóa ấp Trường Hiệp	Xã Trường Long A			2026-2028		1.500				1.500	1.500			1.500	1.500			Thu hồi đất 300m2
2	Nhà văn hóa ấp Trường Hoà	Xã Trường Long A			2026-2028		1.500				1.500	1.500			1.500	1.500			Thu hồi đất 300m2
3	Nhà văn hóa ấp Trường Hoà A	Xã Trường Long A			2026-2028		900				900	900			900	900			Đất công
4	Nhà văn hóa ấp Trường Lợi	Xã Trường Long A			2026-2028		1.500				1.500	1.500			1.500	1.500			Thu hồi đất 300m2
5	Nhà văn hóa ấp 5B	Xã Tân Hòa			2026-2028		1.500				1.500	1.500			1.500	1.500			Thu hồi đất 300m2
6	Nhà văn hóa ấp 3A	Xã Tân Hòa			2026-2028		1.500				1.500	1.500			1.500	1.500			Thu hồi đất 300m2
7	Nâng cấp sửa chữa 06 nhà văn hóa trên địa bàn xã Trường Long Tây	Xã Trường Long Tây			2026-2028		2.400				2.400	2.400			2.400	2.400			
*	NGÀNH/LĨNH VỰC: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						44.500	-	-	-	44.500	44.500	-	-	44.500	44.500	-	-	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến năm 2024		Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030								Ghi chú	
										Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030					
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG						Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾		Tổng số
1	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh Út Chuột phía mặt trời lặn	Xã Trường Long Tây			2026-2028		4.000			4.000	4.000			4.000	4.000			Dài 2000m, ngang 3,5m	
2	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn đoạn từ đầu kênh KH9 đến giáp kênh Út Chuột	Xã Trường Long Tây			2026-2028		4.000			4.000	4.000			4.000	4.000			Dài 2000m; ngang 3,5m	
3	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh Út Chuột đoạn từ đầu kênh 4000 đến cầu Chũ Y	Xã Trường Long Tây			2026-2028		6.000			6.000	6.000			6.000	6.000			Dài 3000m; ngang 3,5m	
4	Xây dựng cầu rạch ông Tài, ấp Tân Thanh Tây	Xã Tân Phú Thạnh			2026-2028		1.000			1.000	1.000			1.000	1.000			Dài 20m; ngang 3,5m	
5	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến từ trường Mẫu giáo Sen Hồng đến Quốc lộ 61	Xã Thanh Xuân			2026-2028		2.000			2.000	2.000			2.000	2.000			Dài 1000m; ngang 3,5m	
6	Cầu Ba Thái	Xã Thanh Xuân			2026-2028		800			800	800			800	800				
7	Cầu Tâm Giá	Xã Thanh Xuân			2026-2028		900			900	900			900	900				
8	Cầu Vàm So Đũa Bè	Xã Thanh Xuân			2026-2028		1.000			1.000	1.000			1.000	1.000				
9	Cầu Ba Hầm	Xã Thanh Xuân			2026-2028		1.000			1.000	1.000			1.000	1.000				
10	Cầu Kênh Ranh	Xã Thanh Xuân			2026-2028		1.000			1.000	1.000			1.000	1.000				
11	Cầu Ba Đại Đoàn giữa	Xã Nhơn Nghĩa A			2026-2028		900			900	900			900	900				
12	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến giao thông Kênh 1000 ấp Trường Hưng(Đoạn từ Kênh Mương Khai đến giáp ranh TPCT)	Xã Trường Long A			2026-2028		2.000			2.000	2.000			2.000	2.000			Dài 1000m, ngang 3,5m	
13	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến kênh Hối Đông Quý đến lộ Đông Pháp	Xã Trường Long A			2026-2028		2.000			2.000	2.000			2.000	2.000			Dài 1000m; ngang 3,5m	
14	Cầu kênh 1000 (ấp Trường Hưng)	Xã Trường Long A			2026-2028		2.000			2.000	2.000			2.000	2.000			Dài 35m, ngang 3,5m	
15	Cầu 6 Thước ấp 6B	Xã Tân Hòa			2026-2028		1.500			1.500	1.500			1.500	1.500			Dài 30m, ngang 3,5m	
16	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh Sáu Thước (1000 - 1500)	Xã Tân Hòa			2026-2028		1.000			1.000	1.000			1.000	1.000			Dài 500m; ngang 3,5m	
17	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh 3 Thước ấp 2A (2000 - 2500)	Xã Tân Hòa			2026-2028		1.000			1.000	1.000			1.000	1.000			Dài 500m, ngang 3,5m	
18	Cầu kênh Thầy Ký nối liền 2 ấp 1A và 2A	Xã Tân Hòa			2026-2028		1.500			1.500	1.500			1.500	1.500			Dài 30m; ngang 3,5m	
19	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh 3500 (Số 3 - Sáu Thước)	Xã Tân Hòa			2026-2028		1.000			1.000	1.000			1.000	1.000			Dài 500m; ngang 3,5m	
20	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh Đầu Xuân (3500 - 4000)	Xã Tân Hòa			2026-2028		1.000			1.000	1.000			1.000	1.000			Dài 500m; ngang 3,5m	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến năm 2024		Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030								Ghi chú			
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG			Tổng số	Trong đó: vốn Chương trình MTQG	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Chương trình MTQG					
																	Trong đó		Trong đó		
																	Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾
21	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh 500 (1500 - 2000)	Xã Tân Hòa			2026-2028		1 000			1 000	1.000			1.000	1.000			Dài 500m; ngang 3,5m			
22	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh 4500 (6 Thước - Số 4)	Xã Tân Hòa			2026-2028		1 000			1 000	1.000			1.000	1.000			Dài 500m; ngang 3,5m			
23	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh Ranh (2000 - 3000)	Xã Tân Hòa			2026-2028		2 000			2 000	2.000			2 000	2.000			Dài 1000m; ngang 3,5m			
24	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh 3000 (Đầu Ngàn - 6 Thước)	Xã Tân Hòa			2026-2028		1 000			1 000	1.000			1.000	1.000			Dài 500m; ngang 3,5m			
25	Cầu số Tư áp 6B	Xã Tân Hòa			2026-2028		1 500			1 500	1.500			1.500	1.500			Dài 30m; ngang 3,5m			
26	Cầu 750 áp 1B	Xã Tân Hòa			2026-2028		1 200			1 200	1.200			1.200	1.200			Dài 25m; ngang 3,5m			
27	Cầu số Ba áp 1B	Xã Tân Hòa			2026-2028		1 200			1 200	1.200			1.200	1.200			Dài 25m; ngang 3,5m			



CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Đính kèm theo Tờ trình số 135 TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Châu Thành A)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian hoạt động và hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quy định chủ trương đầu tư/Quy định đầu tư		Lấy kế vốn bổ trợ từ khoản công đến năm 2024	Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030											Ghi chú										
							TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030									Dự kiến kế hoạch 5 năm: giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030											
											Trong đó:									Trong đó:											
											Cân đối NSDP			Tiền sử dụng đất			Xổ số kiến thiết			Cân đối NSDP			Tiền sử dụng đất			Xổ số kiến thiết					
											Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
	TỔNG SỐ					552.150	-	-	-	552.150	362.750	-	-	32.200	-	-	157.200	-	-	552.150	362.750	-	-	32.200	-	-	157.200	-	-		
1	NGÀNH/LĨNH VỰC: GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					147.200	-	-	-	147.200	-	-	-	-	-	-	147.200	-	-	147.200	-	-	-	-	-	-	147.200	-	-		
1	Chuẩn bị đầu tư																														
2	Thực hiện dự án					147.200	-	-	-	147.200	-	-	-	-	-	-	147.200	-	-	147.200	-	-	-	-	-	-	147.200	-	-		
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																														
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030					147.200	-	-	-	147.200	-	-	-	-	-	-	147.200	-	-	147.200	-	-	-	-	-	-	147.200	-	-		
1	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 1	Xã Tân Phú Thạnh			2026-2028	8.000				8.000							8.000			8.000							8.000			Xây mới 10 phòng	
2	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 2	Xã Tân Phú Thạnh			2026-2028	13.900				13.900							13.900			13.900							13.900			Xây mới 13 phòng, nhà đa năng	
3	Trường Mầm non Anh Đào (giai đoạn 2)	Thị trấn Cai Tác			2026-2028	14.400				14.400							14.400			14.400							14.400			Xây mới 18 phòng	
4	Trường Tiểu học Trương Lương Tây 1 (giai đoạn 3)	Xã Trương Lương Tây			2026-2028	13.900				13.900							13.900			13.900							13.900			Xây mới 13 phòng, nhà đa năng	
5	Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa	Thị trấn Bàu Ngạn			2026-2028	6.400				6.400							6.400			6.400							6.400			Xây mới 08 phòng	
6	Trường Mẫu giáo Sen Hồng	Xã Thanh Xuân			2026-2028	3.500				3.500							3.500			3.500							3.500			Xây mới 01 phòng, hàng rào	
7	Trường Tiểu học thị trấn Cai Tác	Thị trấn Cai Tác			2026-2028	8.200				8.200							8.200			8.200							8.200			Xây mới 04 phòng, nhà đa năng, sân bóng	
8	Trường Tiểu học Nguyễn Du (diện tích 5000)	Thị trấn Bàu Ngạn			2026-2028	13.100				13.100							13.100			13.100							13.100			Xây mới 12 phòng, nhà đa năng	
9	Trường Tiểu học Thanh Xuân (diện tích)	Xã Thanh Xuân			2026-2028	1.000				1.000							1.000			1.000							1.000			NCSC 10 phòng học hiện hữu	
10	Trường Tiểu học thị trấn Môt Ngạn	Thị trấn Môt Ngạn			2026-2028	11.500				11.500							11.500			11.500							11.500			Xây mới 10 phòng, nhà đa năng	
11	Trường Tiểu học Kim Đồng	Xã Tân Hòa			2026-2028	8.000				8.000							8.000			8.000							8.000			Xây mới 10 phòng	
12	Trường Tiểu học Nhơn Nghĩa A1	Xã Nhơn Nghĩa A			2026-2028	4.800				4.800							4.800			4.800							4.800			Xây mới 06 phòng	
13	Trường Trung học cơ sở Nhơn Nghĩa A (giai đoạn 4)	Xã Nhơn Nghĩa A			2026-2028	1.500				1.500							1.500			1.500							1.500			Sân bóng	
14	Trường Tiểu học thị trấn Rach Gỏi B	Thị trấn Rach Gỏi			2026-2028	1.500				1.500							1.500			1.500							1.500			NCSC 15 phòng học hiện hữu	
15	Trường Tiểu học thị trấn Rach Gỏi A	Thị trấn Rach Gỏi			2026-2028	3.500				3.500							3.500			3.500							3.500			Nhà đa năng	

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến năm 2024		Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030														Ghi chú							
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030												
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP ¹				Trong đó:							Trong đó:												
												Cần đối NSDP			Tiền sử dụng đất				Xổ số kiến thiết			Cần đối NSDP			Tiền sử dụng đất			Xổ số kiến thiết			
												Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾		Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾			
2	Nâng cấp, sửa chữa cầu Tư Thọ	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		2.000				2.000	2.000														dài 35m; ngang 3,5m					
3	Nâng cấp sửa chữa đường GTNT kênh Tân Hiệp	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		3.000				3.000	3.000															dài 1500m; ngang 3,5m				
4	Nâng cấp sửa chữa đường GTNT Láng Hầm	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		10.000				10.000	10.000															dài 5000m; ngang 3,5m				
5	Nâng cấp sửa chữa đường GTNT Láng Hầm A (Cầu bà Hai Duyên - Ngõn Đồng Hòa)	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		4.200				4.200	4.200															dài 2100m; ngang 3,5m				
6	Nâng cấp sửa chữa cầu Xáng Mới qua Xáng Mới A	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		2.000				2.000	2.000															dài 35m; ngang 3,5m				
7	Nâng cấp sửa chữa đường GTNT Xáng Mới A	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		4.000				4.000	4.000															dài 2000m; ngang 3,5m				
8	Nâng cấp sửa chữa đường GTNT Xáng Mới	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		10.000				10.000	10.000																dài 5000m; ngang 3,5m			
9	Nâng cấp sửa chữa cầu Hà Hai	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		1.500				1.500	1.500																dài 30m; ngang 3,5m			
10	Nâng cấp sửa chữa cầu Ông Hai	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		1.600				1.600	1.600																dài 32m; ngang 3,5m			
11	Nâng cấp sửa chữa cầu 6 Quýt	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		2.000				2.000	2.000																dài 38m; ngang 3,5m			
12	Nâng cấp sửa chữa cầu 5 Hèm	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		2.000				2.000	2.000																dài 35m; ngang 3,5m			
13	Nâng cấp sửa chữa cầu Hà Chín	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		1.500				1.500	1.500																dài 30m; ngang 3,5m			
14	Nâng cấp sửa chữa cầu Hà Cẩm	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		1.600				1.600	1.600																dài 32m; ngang 3,5m			
15	Nâng cấp sửa chữa cầu Tân Hiệp ấp Xáng Mới C	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		1.600				1.600	1.600																dài 32m; ngang 3,5m			
16	Nâng cấp sửa chữa đường GTNT Láng Hầm A (Hạ Hà duyên - Thấp Cạn)	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		2.600				2.600	2.600																dài 1300m; ngang 3,5m			
17	Làm mới đường Hào GTNT Xáng Mới (Quốc lộ 61C - Trầm V tế)	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		20.000				20.000	20.000																dài 10.000m; ngang 3,5m			
18	Nâng cấp sửa chữa lộ GTNT tuyến Xáng Mới C (đoạn còn lại)	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		4.400				4.400	4.400																dài 2200m; ngang 3,5			
19	Nâng cấp sửa chữa lộ GTNT tuyến Xáng Mới H	Thị trấn Rạch Gòi			2026-2028		2.200				2.200	2.200																dài 1100m; ngang 3,5			
20	Nâng cấp sửa chữa lộ GTNT kênh Hưng Xuân	Xã Trường Long Tây			2026-2028		6.500				6.500	6.500																dài 3200m; 3,5			
21	Nâng cấp sửa chữa lộ GTNT từ kênh K19 đến nhà ông Trương Văn Oanh ấp Trường Thọ A	Xã Trường Long Tây			2026-2028		2.400				2.400	2.400																dài 1200m; 3,5			
22	Nâng cấp sửa chữa lộ GTNT kênh Tề ấp Trường Phước B	Xã Trường Long Tây			2026-2028		2.000				2.000	2.000																dài 1000m; 3,5			
23	Nâng cấp sửa chữa lộ GTNT kênh 500 ấp Trường Phước A	Xã Trường Long Tây			2026-2028		2.400				2.400	2.400																dài 1200m; 3,5			
24	Nâng cấp sửa chữa lộ GTNT kênh 5000 ấp Trường Thọ A	Xã Trường Long Tây			2026-2028		3.400				3.400	3.400																dài 1700m; 3,5			
25	Cầu 5500m ấp Trường Thọ	Xã Trường Long Tây			2026-2028		2.000				2.000	2.000																dài 35m; 3,5			
26	Lát gạch vỉa khuôn viên chợ Trường Long Tây	Xã Trường Long Tây			2026-2028		2.500				2.500	2.500																dài 1500m			
27	Học phí sau UBND xã Trường Long Tây	Xã Trường Long Tây			2026-2028		800				800	800																dài 300m			
28	Nâng cấp sửa chữa lộ GTNT kênh K19 đến Trường Xuân A	Xã Trường Long Tây			2026-2028		6.000				6.000	6.000																dài 3000m; 3,5			
29	Lát gạch vỉa hè phía sau trụ sở UBND xã Trường Long Tây	Xã Trường Long Tây			2026-2028		1.500				1.500	1.500																dài 1000m			
30	Bồi đắp Trường Mẫu giáo Trường Long Tây, Trường THCS Trường Long Tây, Trường tiểu học Trường Long Tây 2, Trường tiểu học Trường Long Tây 3 và Trường Tiểu học Trường Long Tây 1	Xã Trường Long Tây			2026-2028		1.500				1.500	1.500																			
31	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn rạch Bân, ấp Thanh Lợi	Xã Tân Phú Thạnh			2026-2028		3.000				3.000	3.000																dài 1800m; ngang 3,5m			
32	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn rạch Trầu Nhỏ ấp Thanh Lợi	Xã Tân Phú Thạnh			2026-2028		1.800				1.800	1.800																dài 800m; ngang 3,5m			

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến năm 2024		Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030											Ghi chú										
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Cân đối NSDP			Tiền sử dụng đất				Xổ số kiến thiết			Cân đối NSDP			Tiền sử dụng đất			Xổ số kiến thiết			
												Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾			

59	Thăm nhựa đường trục chính trung tâm huyện (3 tháng 2)	Huyện Châu Thành A			2026-2028		10.000			10.000	10.000						10.000	10.000							
60	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn kênh Sáu Thước ấp 2B (2000 - 3000)	Xã Tân Hòa			2026-2028		2.000			2.000	2.000						2.000	2.000							dài 1000m, 3,5m
61	Via bê đường 931B ấp 1A (Đoạn từ 1000 đến 5000)	Xã Tân Hòa			2026-2028		10.500			10.500	10.500						10.500	10.500							
62	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến rạch Cốt ấp Long An (đoạn từ ông Nguyễn Văn Suối đến giáp xã Đông Phước A)	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		2.000			2.000	2.000						2.000	2.000							dài 1000m, 3,5m
63	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến Rạch Kết ấp Tân An	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		1.600			1.600	1.600						1.600	1.600							dài 800m, 3,5m
64	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến rạch Bà Nhen ấp Long An A (đoạn từ vàm Bà Nhen đến cầu Năm Giang và đoạn từ ông Huỳnh Văn Quới đến giáp rạch Thụ Lơn Giữa)	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		2.000			2.000	2.000						2.000	2.000							dài 1000m, 3,5m
65	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến đường kênh thuy lơn giữa ấp Tân An (đoạn từ ông Huỳnh Văn Dũng đến giáp cầu Hò Thúi)	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		1.600			1.600	1.600						1.600	1.600							dài 800m, 3,5m
66	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến đường cấp sông Hò Láng ấp Tân Phú (đoạn từ cầu mới đến ông Tân Chuông)	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		1.600			1.600	1.600						1.600	1.600							dài 800m, 3,5m
67	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến Lê Văn Nhung ấp Tân Phú A (đoạn từ giáp Quốc lộ 61 đến Giáp Quốc lộ 1A (Hàn Trống)	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							dài 500m, 3,5m
68	Khep kín 50ha tuyến rạch thuy lơn qua kênh Chín Quân, rạch Ông Tam: ấp Tân Thành Tây	Xã Tân Phú Thành			2026-2028		5.000			5.000	5.000						5.000	5.000							
69	Nạo vét tuyến rạch Chước: ấp Thanh Mỹ A	Xã Tân Phú Thành			2026-2028		2.400			2.400	2.400						2.400	2.400							
70	Công Hò 11km	Xã Thanh Xuân			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							
71	Công Hò kênh 3 (Tư Ngòi)	Xã Thanh Xuân			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							
72	Công Hò kênh 5	Xã Thanh Xuân			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							
73	Công Năm Mỹ	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							20m
74	Nạo vét kênh Tư Lộ	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		600			600	600						600	600							1000m
75	Nạo vét kênh Rạch Già	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		500			500	500						500	500							800m
76	Nạo vét tuyến rạch: Thụ Lơn Giữa	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		600			600	600						600	600							1000m
77	Nạo vét tuyến rạch Hò Nhen	Thị trấn Cai Tác			2026-2028		600			600	600						600	600							1000m
78	Xây dựng công họ (Sáu Nhỏ)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							
79	Xây dựng công họ (Hò Lơn Lớn)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.500			1.500	1.500						1.500	1.500							
80	Xây dựng công họ (Hò Lơn Lớn)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							
81	Xây dựng công họ (Tư Lơn)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.500			1.500	1.500						1.500	1.500							
82	Xây dựng công họ (Hàn Thấm)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							
83	Xây dựng công họ (Uất Dây)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.500			1.500	1.500						1.500	1.500							
84	Xây dựng công họ (Hàn Sác)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.500			1.500	1.500						1.500	1.500							
85	Xây dựng công họ (Hàn Vón)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							
86	Xây dựng công họ (Tư Diếp)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.000			1.000	1.000						1.000	1.000							
87	Xây dựng công họ (Kênh Lớn)	Thị trấn Rạch Gỏi			2026-2028		1.500			1.500	1.500						1.500	1.500							

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bổ từ từ khởi công đến năm 2024	Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030												Ghi chú														
							Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030												Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030																	
							TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:																
													Cân đối NSDP			Tiền sử dụng đất				Xổ số kiến thiết			Cân đối NSDP			Tiền sử dụng đất			Xổ số kiến thiết							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:									
														Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾			Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾	Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾									
		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ NDCB ⁽¹⁾														
6	Trụ sở công an xã Trường Long A	Xã Trường Long A			2026-2028		3.000				3.000	3.000					3.000	3.000																		
VI	NGÀNH/LĨNH VỰC: PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1	Chuẩn bị đầu tư						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2	Thực hiện dự án						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																																			
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030																																			
VII	NGÀNH/LĨNH VỰC: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						10.000	-	-	-	-	10.000	-	-	-	-	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Chuẩn bị đầu tư						10.000	-	-	-	-	10.000	-	-	-	-	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Thực hiện dự án						10.000	-	-	-	-	10.000	-	-	-	-	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																																			
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030						10.000	-	-	-	-	10.000	-	-	-	-	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải xã Trường Long Tây	Xã Trường Long Tây			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
2	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải xã Trường Long A	Xã Trường Long A			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
3	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
4	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải xã Nhơn Nghĩa A	Xã Nhơn Nghĩa A			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
5	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải xã Thanh Xuân	Xã Thanh Xuân			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
6	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải xã Tân Phú Thạnh	Xã Tân Phú Thạnh			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
7	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải thị trấn Môt Ngan	Thị trấn Môt Ngan			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
8	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải thị trấn Bàu Ngạn	Thị trấn Bàu Ngạn			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
9	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải thị trấn Cai Lắc	Thị trấn Cai Lắc			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
10	Trạm trung chuyển và đường dẫn vào trạm trung chuyển rác thải thị trấn Rạch Giỏi	Thị trấn Rạch Giỏi			2026-2028		1.000				1.000					1.000	1.000																			
VIII	NGÀNH/LĨNH VỰC: Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Chuẩn bị đầu tư						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Thực hiện dự án						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																																			
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030																																			



Biểu mẫu số 6

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (TỈNH LÂM CHỦ ĐẦU TƯ)

(Đính kèm theo Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Châu Thành A)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự án được ưu tiên	Mục tiêu kinh tế (tổng, hàng năm)	Thời gian thực hiện (năm)	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	Lấy kế vốn bổ trợ từ khởi công đến năm 2024	Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030																	Ghi chú						
							Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030																							
							Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030																							
							Trong đó:																							
							Cần đầu NSDP				Tiền sử dụng đất				Xổ số kiến thiết				Tổng số (tổng của các nguồn vốn)											
							Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:											
Tổng số	Thu hồi các khoản nợ	Thanh toán nợ	Tổng số	Thu hồi các khoản nợ	Thanh toán nợ	Tổng số	Thu hồi các khoản nợ	Thanh toán nợ	Tổng số	Thu hồi các khoản nợ	Thanh toán nợ	Tổng số	Thu hồi các khoản nợ	Thanh toán nợ	Tổng số	Thu hồi các khoản nợ	Thanh toán nợ													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG SỐ					680.000	-	-	-	680.000	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-	680.000	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	NGANH/LINH VỰC: GIAO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIAO DỤC NGHỀ NGHIỆP																													
1	Chuẩn bị đầu tư																													
2	Thực hiện dự án																													
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																													
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030																													
III	NGANH/LINH VỰC: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					680.000	-	-	-	680.000	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-	680.000	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Chuẩn bị đầu tư					680.000	-	-	-	680.000	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-	680.000	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Thực hiện dự án																													
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																													
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030					680.000	-	-	-	680.000	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-	680.000	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Tuyến đường phân Bắc sông Xa No (đoạn từ kênh 8000 đến giáp với thành phố Cần Thơ)	Huyện Châu Thành A		2026-2028		400.000				400.000	400.000								400.000	400.000										
2	Đầu tư cầu 8000 và tuyến đường mới (điểm đầu giáp đường tỉnh 9268 dự mở - điểm cuối giáp với tuyến đường dự mở từ Vĩ Thanh đến Mương Đình (cách sông Xang Xa No khoảng 1300m)	Huyện Châu Thành A		2026-2028		100.000				100.000	100.000								100.000	100.000										
3	Đầu tư cầu Trâu Hoi và tuyến đường mới (điểm đầu giáp đường công và Trâu Hoi - điểm cuối giáp với tuyến đường dự mở từ Vĩ Thanh đến Mương Đình (cách sông Xang Xa No khoảng 1.300m)	Huyện Châu Thành A		2026-2028		100.000				100.000	100.000								100.000	100.000										
4	Khu tại định cư phục vụ khu công nghiệp và Nhơn Nghĩa A	Huyện Châu Thành A		2026-2028		80.000				80.000	80.000								80.000	80.000										
IV	NGANH/LINH VỰC: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐVSNC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XH																													
1	Chuẩn bị đầu tư																													
2	Thực hiện dự án																													
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																													
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030																													
V	NGANH/LINH VỰC: AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI																													
1	Chuẩn bị đầu tư																													
2	Thực hiện dự án																													
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																													
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030																													
VI	NGANH/LINH VỰC: PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN																													
1	Chuẩn bị đầu tư																													
2	Thực hiện dự án																													
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																													
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030																													
VII	NGANH/LINH VỰC: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG																													
1	Chuẩn bị đầu tư																													
2	Thực hiện dự án																													
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																													
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030																													
VIII	NGANH/LINH VỰC: Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH																													
1	Chuẩn bị đầu tư																													
2	Thực hiện dự án																													
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030																													
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030																													